

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-42

VIỆC  
C  
TRÁCH  
HÃN  
DANH

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch
Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Xuân Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được lập ngày 23 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về các báo cáo này tại ngày 08 tháng 02 năm 2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

---

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>124.250.533.836</b>	<b>94.977.013.639</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.939.296.070	36.627.490.886
111	1. Tiền		8.432.885.111	4.127.490.886
112	2. Các khoản tương đương tiền		49.506.410.959	32.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.150.800.000	6.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		18.150.800.000	6.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.620.438.386	23.046.964.502
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.808.031.372	20.797.888.676
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		566.413.932	210.211.609
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.245.993.082	2.038.864.217
140	IV. Hàng tồn kho	7	18.539.104.092	17.995.381.637
141	1. Hàng tồn kho		18.539.104.092	17.995.381.637
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.000.895.288	10.807.176.614
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	115.892.549	126.882.312
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.729.197.634	10.680.294.302
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	155.805.105	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>622.395.803.789</b>	<b>623.681.786.343</b>
220	II. Tài sản cố định		551.866.932.022	580.273.078.006
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	549.082.715.294	576.942.572.714
222	- Nguyên giá		935.392.430.632	916.188.374.683
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(386.309.715.338)	(339.245.801.969)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.784.216.728	3.330.505.292
228	- Nguyên giá		7.828.798.850	7.828.798.850
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.044.582.122)	(4.498.293.558)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	44.716.435.385	14.236.556.395
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		44.716.435.385	14.236.556.395
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.270.362.558	19.007.959.303
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.270.362.558	19.007.959.303
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.542.073.824	10.164.192.639
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	11.542.073.824	10.164.192.639
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>746.646.337.625</b>	<b>718.658.799.982</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>335.964.991.840</b>	<b>324.800.621.859</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>96.390.192.011</b>	<b>80.388.260.084</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.457.035.119	32.778.596.262
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		307.042.790	139.831.444
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	24.132.129.027	7.094.714.710
314	4. Phải trả người lao động		12.392.844.420	11.003.207.052
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.401.650.073	54.532.794
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17.638.668.225	12.490.898.101
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	27.699.461.227	15.487.317.900
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.361.361.130	1.339.161.821
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>239.574.799.829</b>	<b>244.412.361.775</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	92.308.994.268	84.804.106.663
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	147.265.805.561	159.608.255.112
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>410.681.345.785</b>	<b>393.858.178.123</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>410.681.345.785</b>	<b>393.858.178.123</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.493.910.000	375.493.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.493.910.000	375.493.910.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.187.435.785	18.364.268.123
421b	LNST chưa phân phối năm nay		35.187.435.785	18.364.268.123
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>746.646.337.625</b>	<b>718.658.799.982</b>



Nguyễn Thị Thu Dung  
Người lập



Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	254.538.238.109	209.112.504.058
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		254.538.238.109	209.112.504.058
11	4. Giá vốn hàng bán	20	187.738.217.931	174.941.759.267
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.800.020.178	34.170.744.791
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.377.693.729	3.345.674.650
22	7. Chi phí tài chính	22	13.309.598.568	2.881.020.761
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		13.309.598.568	2.881.020.761
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	17.123.375.767	15.252.342.267
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.744.739.572	19.383.056.413
31	11. Thu nhập khác	24	881.158.305	511.759.993
32	12. Chi phí khác		12.894.884	5.429.224
40	13. Lợi nhuận khác		868.263.421	506.330.769
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.613.002.993	19.889.387.182
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	5.137.567.208	1.237.119.059
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>35.475.435.785</u>	<u>18.652.268.123</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	937	489

  
Nguyễn Thị Thu Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng

  
Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc



Bắc Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		40.613.002.993	19.889.387.182
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		47.610.201.933	37.533.062.879
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(3.345.674.650)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.377.693.729)	-
06	- Chi phí lãi vay		13.309.598.568	2.881.020.761
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		98.155.109.765	56.957.796.172
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.396.210.340	(5.778.214.378)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(543.722.455)	(39.318.982.540)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.247.325.599	(19.271.317.548)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.366.891.422)	1.672.794.053
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.504.442.729)	(2.888.901.185)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.917.571.750)	(500.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.340.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(394.570.000)	(136.160.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		93.096.787.348	(9.262.985.426)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(49.683.934.939)	(155.797.648.458)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.150.800.000)	(6.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.500.000.000	97.076.716.015
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.386.832.030)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.327.396.902	3.000.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.613.500.911	8.382.889.925
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.393.837.126)	(69.224.874.548)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		16.234.555.200	151.198.375.935
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.364.861.424)	(21.500.604.166)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.260.838.814)	(33.084.235.395)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.391.145.038)	96.613.536.374

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.311.805.184	18.125.676.400
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.627.490.886	18.501.814.486
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>57.939.296.070</u>	<u>36.627.490.886</u>

Nguyễn Thị Thu Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.493.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 375.493.910.000 VND; tương đương 37.549.391 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 297 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 296 người).

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm nghiệm chất lượng nước; kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm đồng hồ nước).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, lãi gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 32,63 tỷ VND tương ứng tỷ lệ tăng 95,5% so với năm trước làm cho kết quả kinh doanh năm 2023 tăng trưởng mạnh so với năm 2022, nguyên nhân do:

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng với sự đóng góp lớn từ sản lượng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh - Giai đoạn 2 cùng với đơn giá tiền nước của Công ty điều chỉnh tăng từ tháng 05 năm 2023 theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh làm cho doanh thu của Công ty tăng 45,4 tỷ VND tương ứng 21,7% so với năm trước.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (tiếp)**

- Công ty chủ động dự trữ nguyên vật liệu, hóa chất trong quá trình xử lý nước sạch, cũng như mở rộng tìm kiếm các nguồn cung cấp mới nên tận dụng được lợi thế về giá mua đầu vào nên giá vốn chỉ tăng 12,8 tỷ VND tương ứng 7,3% so với năm trước.

Bên cạnh đó, chi phí tài chính năm 2023 cũng tăng 10,4 tỷ VND tương ứng tăng 3,6 lần so với năm trước. Nguyên nhân là do năm 2022, Công ty ghi nhận tăng tài sản nhiều hạng mục từ hoạt động xây dựng cơ bản, các tài sản này được tài trợ một phần bởi vốn vay và chi phí lãi vay tương ứng được vốn hóa theo quy định, đến năm 2023, chi phí lãi vay của các hợp đồng vay này sau khi hết thời gian vốn hóa sẽ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm nên làm cho chi phí tài chính tăng mạnh.

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 25 năm

**2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

**a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát**

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**b) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.



**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định là các chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống các tuyến cấp nước phát sinh một lần có giá trị lớn, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng đã trả liên quan đến các điểm thuê đất trả tiền hàng năm mà Công ty đang sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng là số tiền Công ty trả trước cho cơ sở hạ tầng Công ty đang quản lý và vận hành kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

### c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước và cho thuê tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, doanh thu trong lĩnh vực cấp nước chiếm trên 95% tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	222.255.114	257.540.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.210.629.997	3.869.950.399
Các khoản tương đương tiền	49.506.410.959	32.500.000.000
	<u>57.939.296.070</u>	<u>36.627.490.886</u>

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,2%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cuối năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 6%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>14.270.362.558</b>		-	<b>19.007.959.303</b>		-
- Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh (i)	-		-	2.456.824.843		-
- Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	14.270.362.558		-	16.551.134.460		-
	<b>14.270.362.558</b>		-	<b>19.007.959.303</b>		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**(i) Thông tin bổ sung về việc chuyển nhượng khoản đầu tư trong năm:**

Ngày 26/05/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh và giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục chào bán và chuyển nhượng toàn bộ vốn của Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh theo nghị quyết số 12/NQ/HĐQT-NSBN.

Ngày 10/08/2023, Hội đồng quản trị thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh thuộc sở hữu của Công ty Nước sạch Bắc Ninh theo nghị quyết 21/NQ/HDQT-NSBN.

Theo biên bản xác định kết quả chào bán cạnh tranh ngày 06/09/2023, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần với giá 24.525 VND/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>				
- Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh (ii)	Thành phố Bắc Ninh	60,00%	50,00%	Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước; khai thác, xử lý và cung cấp nước

(ii): Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh là Công ty TNHH Hai thành viên, là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập trên cơ sở Hợp đồng liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương ký ngày 05/11/2022, mục đích đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và kinh doanh Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải" (gọi tắt là "Dự án").

Trong quá trình triển khai, có vướng mắc về đối tượng giao đất, cho thuê đất. Ngày 21/07/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh có văn bản số 1425/KHĐT-KTĐN về việc tham gia ý kiến việc thuê đất để thực hiện Dự án. Theo đó, việc giao đất, cho thuê đất sẽ dưới danh nghĩa là nhà đầu tư là liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương và Công ty Nước sạch Bắc Ninh mà không phải là doanh nghiệp dự án là Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương có biên bản thống nhất số 635/BBTN/LPG-BANIWACO về phương thức thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và tuyến ống truyền tải, theo đó:

- Hai bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý: con dấu, mã số thuế, người đại diện của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh để thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

- Các nội dung đã và đang thực hiện trước ngày ký biên bản thống nhất này thì không phải thực hiện lại, nhưng phải thực hiện các thủ tục chuyển giao lại cho Liên danh.

Liên danh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương cùng Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã có các văn bản thỏa thuận về việc kế thừa quyền, nghĩa vụ và thanh toán các khoản chi phí mà Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã chi cho Dự án.

Trong năm 2023, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã chuyển giao được một phần chi phí cho liên danh bằng hình thức xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền đã chuyển giao là 3.801.286.503 VND (giá trị đã bao gồm thuế GTGT 8%). Giá trị còn lại là tiền giải phóng mặt bằng, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đang hoàn thiện thủ tục để chuyển giao, dự kiến sẽ hoàn thành chuyển giao toàn bộ trong năm 2024.

Ngoài các hoạt động động để chuyển giao chi phí đầu tư nêu trên, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh không phát sinh các hoạt động đầu tư, kinh doanh nào khác trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>20.808.031.372</b>	-	<b>20.797.888.676</b>	-
Phải thu khách hàng sử dụng nước khu vực Bắc Ninh	19.755.276.686	-	19.841.210.685	-
Phải thu khách hàng dịch vụ xây lắp	836.324.492	-	956.677.991	-
Phải thu khách hàng thuê tài sản	216.430.194	-	-	-
	<b>20.808.031.372</b>	<b>-</b>	<b>20.797.888.676</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	340.310.469	-	165.917.808	-
Tạm ứng	699.500.000	-	729.500.000	-
Khoản tiền đền bù, giải phóng mặt bằng thừa (i)	406.340.432	-	406.340.432	-
Phải thu khác	799.842.181	-	737.105.977	-
	<b>2.245.993.082</b>	<b>-</b>	<b>2.038.864.217</b>	<b>-</b>

(i) Đây là tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho phần đất được đền bù thừa của công trình nhà máy nước Chờ - Gia Bình. Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 4859/UBND-XDCB cho phép Công ty sử dụng phần đất đền bù thừa này để xây dựng mở rộng trạm bơm nước diện tích 500 m<sup>2</sup>.

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.921.568.736	-	9.377.846.281	-
Công cụ, dụng cụ	14.823.113	-	14.823.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.602.712.243	-	8.602.712.243	-
	<b>18.539.104.092</b>	<b>-</b>	<b>17.995.381.637</b>	<b>-</b>

**Chi tiết công trình xây lắp dở dang:**

**(i) Công trình Xử lý sự cố cống lấy nước qua đê KM44+555 với các thông tin chi tiết như sau:**

- Địa điểm thực hiện: Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích thực hiện: Xử lý sự cố cống qua đê KM44+555 đê Tả Đuống thuộc địa phận huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo công văn số 533/UBND-NN ngày 02 tháng 03 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc chủ trương xử lý sự cố lấy nước qua đê tại KM44+555 đê tả Đuống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh;
- Nguồn vốn thực hiện: Do Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tự đảm nhiệm;
- Giá trị công trình đã hoàn thành là: 8.203.944.545 VND;
- Tình trạng của công trình tại 30/06/2023: Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Tuy nhiên, Công ty đã nhiều lần gửi công văn tới Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhưng chưa xác định được nghĩa vụ về chi phí xử lý sự cố. Theo Công văn số 16/TTr-NV4 ngày 29/09/2020 của Thanh tra Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đến Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiến nghị xử lý: Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí hợp lý theo quy định để khắc phục sự cố rò rỉ nước tại cống lấy nước qua đê Tả Đuống K44+555 Quế Võ; ngân sách nhà nước thực hiện chi trả các khoản chi phí phát sinh gia cố, nâng cấp thêm.

Theo Quyết định số 3162/UBND-XDCB ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh thì: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở: Tài chính, Xây dựng, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương để xác định cụ thể chi phí khắc phục sự cố qua đê Tả Đuống thuộc trách nhiệm chi trả của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương và phân ngân sách nhà nước để hoàn ứng vốn cho Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên đang trong quá trình làm việc về vấn đề này.

**(ii) Công trình dịch chuyển và lắp đặt tuyến ống cấp nước phục vụ giải phóng mặt bằng thi công nâng cấp ĐT 277**

- Công trình dịch chuyển và lắp đặt tuyến ống cấp nước phục vụ giải phóng mặt bằng thi công nâng cấp ĐT 277 theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 5/6/2018/HĐ/XDCT ngày 05/06/2018 đã tập hợp giá trị 398.767.698 VND.

**8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Dự án ĐTXD Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000m3/ngđ) và tuyến ống truyền tải (i)	30.702.336.153	-
- Dự án Tuyến nước thô Chờ, hồ lắng (ii)	184.734.074	8.114.232.295
- Dự án Trụ sở làm việc Công ty (iii)	5.998.420.346	5.998.420.346
- Khu xử lý - Nâng công suất Chờ (iv)	4.107.795.179	-
- Dự án khác	3.723.149.633	123.903.754
	<b>44.716.435.385</b>	<b>14.236.556.395</b>

**Thông tin bổ sung cho các dự án:**

**(i) Dự án ĐTXD Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngđ) và tuyến ống truyền tải:**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (chi tiết việc hợp tác kinh doanh xem thuyết minh số 15).
- Mục đích xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải nhằm cung cấp, bổ sung nguồn nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân và khách hàng, cụm khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, huyện Quế Võ và một phần huyện Tiên Du và vùng lân cận.
- Địa điểm xây dựng: Xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh góp 60% vốn và Công ty Cổ phần tập đoàn Long Phương góp 40 % vốn.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt với công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và tuyến ống truyền tải.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Đã hoàn thiện công tác khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế thi công, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt.

**(ii) Dự án Tuyến nước thô Chờ, hồ lắng:**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.
- Mục đích xây dựng: Nâng công suất trạm bơm nước thô và tuyến ống nước thô, nhà máy cấp nước thị trấn Chờ đảm bảo công suất tính đến giai đoạn năm 2022;
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của Công ty.
- Quy mô của dự án: Xây dựng 1 trạm bơm nước thô; xây dựng nhà bơm 2 tầng, kích thước (10,7x5,9)m; xây dựng cửa thu ngoài sông 1 tầng, kích thước (7,2x2,5)m; xây dựng cống hộp dẫn nước kích thước thông thủy (1,2x2)m dẫn nước vào ngăn thu của trạm bơm, kết cấu cống hộp bằng bê tông cốt thép mac 300 và xây dựng đường đi từ chân đê đến trạm bơm, đường bê tông mac 200, dày 150mm.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Đã hoàn thành tuyến nước thô và đang thi công hạng mục hồ lắng.

**(iii) Dự án Trụ sở làm việc Công ty:**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
- Mục đích xây dựng: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và dịch vụ trên khu đất tại xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Địa điểm xây dựng: Xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà làm việc, nhà đa năng, hạ tầng kĩ thuật và một số hạng mục phụ trợ khác đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy hoạch và theo giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Đang trong quá trình điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**(iv) Dự án Khu xử lý - Nâng công suất Chờ**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
- Mục đích xây dựng: Đảm bảo cấp nước cho nhân dân thị trấn Chờ và các vùng lân cận được liên tục, ổn định, lâu dài về chất lượng và số lượng nước đầu vào cấp cho Nhà máy; Nâng công suất nhà máy cấp nước thị trấn Chờ đảm bảo công suất tính đến giai đoạn 2025;
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có, vốn vay thương mại và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 01 cụm thiết bị xử lý nước công suất 4000 m<sup>3</sup>/ngđ và hệ thống đường ống công nghệ kết nối với hệ thống đã có; Xây dựng bể đỡ cụm thiết bị bằng bê tông cốt thép mac 250 kích thước (19,65x5x0,4m); Xây dựng hệ thống mái che bảo vệ cụm thiết bị; Lắp đặt bổ sung bơm nước sạch cho trạm bơm số 2 (bao gồm tủ điều khiển và biến tần);
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Dự án đang trong giai đoạn thi công xây dựng.



## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	97.191.708.025	34.327.738.767	587.197.239.565	4.824.411.609	192.647.276.717	916.188.374.683
- Mua trong năm	-	118.000.000	47.000.000	127.290.000	-	292.290.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.148.752	2.459.821.855	15.928.570.186	482.225.156	-	18.911.765.949
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>97.232.856.777</b>	<b>36.905.560.622</b>	<b>603.172.809.751</b>	<b>5.433.926.765</b>	<b>192.647.276.717</b>	<b>935.392.430.632</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	51.620.852.249	17.404.967.717	166.431.498.492	2.351.331.742	101.437.151.769	339.245.801.969
- Khấu hao trong năm	4.954.947.459	3.023.715.854	27.868.348.424	662.236.124	10.554.665.508	47.063.913.369
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>56.575.799.708</b>	<b>20.428.683.571</b>	<b>194.299.846.916</b>	<b>3.013.567.866</b>	<b>111.991.817.277</b>	<b>386.309.715.338</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	45.570.855.776	16.922.771.050	420.765.741.073	2.473.079.867	91.210.124.948	576.942.572.714
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>40.657.057.069</b>	<b>16.476.877.051</b>	<b>408.872.962.835</b>	<b>2.420.358.899</b>	<b>80.655.459.440</b>	<b>549.082.715.294</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 262.324.289.740 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.658.915.356 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	38.000.000	7.790.798.850	7.828.798.850
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.000.000</b>	<b>7.790.798.850</b>	<b>7.828.798.850</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	38.000.000	4.460.293.558	4.498.293.558
- Khấu hao trong năm	-	546.288.564	546.288.564
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.000.000</b>	<b>5.006.582.122</b>	<b>5.044.582.122</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	3.330.505.292	3.330.505.292
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.784.216.728</b>	<b>2.784.216.728</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.000.000 VND.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115.892.549	126.882.312
	<b>115.892.549</b>	<b>126.882.312</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công dụng, dụng cụ xuất dùng	685.632.317	1.433.350.455
Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng (i)	4.075.000.000	4.100.000.000
Chi phí sửa chữa	1.151.470.829	773.367.941
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (ii)	3.774.778.566	3.857.474.243
Tiền thuê đất trả trước	1.700.665.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	154.527.112	-
	<b>11.542.073.824</b>	<b>10.164.192.639</b>

(i) Khoản trả trước thuê các hệ thống đường ống cấp nước của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương. Theo hợp đồng, thời gian thuê cơ sở hạ tầng là 27 năm, từ năm 2018 đến năm 2045.

(ii) Phản ánh chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng các lô đất thuê của Công ty và được phân bổ theo thời hạn thuê đất trên các hợp đồng thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>722.942.124</b>	<b>722.942.124</b>	<b>822.798.124</b>	<b>822.798.124</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phuong	-	-	99.856.000	99.856.000
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	722.942.124	722.942.124	722.942.124	722.942.124
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>9.734.092.995</b>	<b>9.734.092.995</b>	<b>31.955.798.138</b>	<b>31.955.798.138</b>
Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	1.020.194.367	1.020.194.367	6.200.517.527	6.200.517.527
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	1.283.072.400	1.283.072.400	629.769.600	629.769.600
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Phát triển Kiến trúc Đô thị	-	-	6.870.775.367	6.870.775.367
Công ty Cổ phần Viwaseen3	-	-	9.702.956.891	9.702.956.891
Công ty Cổ phần Cấp nước Sông Cầu	1.192.800.000	1.192.800.000	1.145.491.200	1.145.491.200
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Việt Nam	743.074.200	743.074.200	884.160.200	884.160.200
Đối tượng khác	5.494.952.028	5.494.952.028	6.522.127.353	6.522.127.353
	<b>10.457.035.119</b>	<b>10.457.035.119</b>	<b>32.778.596.262</b>	<b>32.778.596.262</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	834.004.466	635.557.717	-	198.446.749
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	317.571.750	5.137.567.208	2.917.571.750	-	2.537.567.208
Thuế Thu nhập cá nhân	-	110.411.778	348.644.259	363.712.400	-	95.343.637
Thuế Tài nguyên	-	79.680.370	1.002.460.256	1.002.265.430	-	79.875.196
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.546.899.837	2.702.704.942	155.805.105	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	-	6.587.050.812	24.870.079.648	10.236.234.223	-	21.220.896.237
	-	<b>7.094.714.710</b>	<b>34.742.655.674</b>	<b>17.861.046.462</b>	<b>155.805.105</b>	<b>24.132.129.027</b>

(i) Phản ánh phí thoát nước và phí bảo vệ môi trường thu của người sử dụng nước để trả về ngân sách nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	859.688.633	54.532.794
- Tiền điện sản xuất	857.145.841	-
- Trích trước tiền quà Tết	596.600.000	-
- Trích trước khác	88.215.599	-
	<b>2.401.650.073</b>	<b>54.532.794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	178.357.550	57.797.000
- Phí thuê vận hành nhà máy nước mặt (i)	6.118.205.030	-
- Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (ii)	5.122.592.513	5.268.947.601
- Phải trả hỗ trợ dự án (iii)	3.527.462.145	3.426.462.145
- Phải trả đội thi công xây lắp	573.593.726	1.259.214.704
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.118.457.261	2.478.476.651
	<b><u>17.638.668.225</u></b>	<b><u>12.490.898.101</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả hỗ trợ dự án (iii)	56.268.488.869	59.896.951.014
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương:	36.040.505.399	24.907.155.649
+ Hợp tác kinh doanh Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh, công suất 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm" (ii)	23.374.407.603	24.907.155.649
+ Hợp tác kinh doanh Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (Công suất 45.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm) (iv)	12.666.097.796	-
	<b><u>92.308.994.268</u></b>	<b><u>84.804.106.663</u></b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	41.163.097.912	30.176.103.250
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	65.914.156.044	63.323.413.159
	<b><u>107.077.253.956</u></b>	<b><u>93.499.516.409</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác:**

(i) Đây là khoản phí thuê liên quan đến việc vận hành khai thác Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh mà Công ty đã tạm nhận bàn giao công trình từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29/06/2018 theo Văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12/06/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

- Bên giao: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh và nhà đầu tư Công ty Long Phương;
- Bên nhận bàn giao: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh;
- Mục đích: Sở Xây dựng giao công trình để Công ty quản lý, vận hành khai thác nhà máy, đảm bảo cấp nước sạch an toàn;
- Trách nhiệm của Công ty:
- + Quản lý vận hành, khai thác nhà máy, đảm bảo cấp nước sạch an toàn;
- + Trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

Kinh phí quản lý vận hành, khai thác vận hành nhà máy từ năm 2022 là 16.118.205.030 VND/năm (căn cứ theo Công văn số 1391/UBND-KTTH ngày 24/01/2019 và văn bản số 241/UBND-KTTH ngày 20/04/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh); và

Trích trả phần lợi nhuận do quản lý vận hành, khai thác nhà máy nước mặt Bắc Ninh nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định. Khoản phải trả về lợi nhuận dự án Nhà máy nước mặt Giai đoạn 1 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2023 là 1.776.656.165 VND.

**Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác (tiếp):**

Công ty đang ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến việc vận hành, khai thác nhà máy nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh như một giao dịch thuê tài sản hoạt động.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐKTKD/LP-BANIWWACO ngày 28 tháng 05 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022, với một nội dung chi tiết sau:

- Các bên tham gia: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (bên B);

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm" tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ.

- Nội dung hợp tác: Hai bên ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh trên để thống nhất việc quản lý, vận hành và kinh doanh Dự án nhà máy nước mặt công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh sau khi công trình đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo Thỏa thuận liên danh số 01/2018/TTLĐ ngày 24/10/2018 và Quyết định chủ trương đầu tư 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018, cụ thể:

+ Thống nhất giao cho Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh quản lý, vận hành, kinh doanh, hạch toán, kê khai các doanh thu, chi phí của Dự án theo quy định tại hợp đồng này và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả sử dụng và công suất của Dự án.

+ Việc phân chia lợi ích sẽ được các bên thoả thuận trong Hợp đồng này.

+ Các bên và/hoặc một trong các Bên có quyền kiểm tra/kiểm soát và yêu cầu được giao tài sản báo cáo việc quản lý, vận hành, kinh doanh Dự án theo định kỳ hoặc đột xuất (định kỳ theo Quý).

- Phương thức góp vốn, tiền độ góp vốn và phân chia lợi nhuận:

+ Bên A góp 60% tổng mức đầu tư và Bên B góp 40% tổng mức đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam; giá trị của Tài sản được ghi nhận theo Quyết toán của Dự án khi hoàn thành;

+ Lợi nhuận từ việc kinh doanh Dự án được phân chia như sau: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh sẽ được hưởng 60% lợi nhuận sau thuế; Công ty Long Phương (TNHH) sẽ được hưởng 40% lợi nhuận sau thuế.

- Về khấu hao tài sản dự án:

+ Bên A thực hiện trích khấu hao tài sản Dự án vào chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật có liên quan. Thời gian khấu hao tài sản là 20 (hai mươi) năm kể từ ngày ký Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B khoản tiền trích khấu hao tương ứng với 40% giá trị trích khấu hao hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác (tiếp):**

- Dự án đang trong quá trình vận hành, kinh doanh; kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	44.756.220.000	42.693.196.000
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	19.598.182.872	20.012.994.135
<b>Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b><u>25.158.037.128</u></b>	<b><u>22.680.201.865</u></b>

**Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn:**

- Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh	15.094.822.278	13.608.121.111
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	10.063.214.850	9.072.080.754

Khoản tiền trích khấu hao phải thanh toán trong năm là: 1.532.748.040 VND.

(iii) Khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty mượn để thực hiện các Dự án Nhà máy nước sạch. Số tiền phải trả hàng năm sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh tính toán và thông báo với Công ty bằng văn bản.

(iv) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0107/HĐBCC/LP-BANIWACO ngày ngày 01 tháng 07 năm 2023, một số nội dung chi tiết sau:

- Các bên tham gia: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương ;

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hai bên hợp tác để xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (Công suất 45000 m3/ngày đêm) và hệ thống truyền tải sau đó vận hành kinh doanh với mục đích sinh lời;

- Nội dung hợp tác: Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m3/ngày, đêm) và tuyến ống truyền tải";

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn:

+ Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh góp 60% tổng vốn đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam đồng;

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương góp 40% tổng vốn đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam đồng;

+ Việc góp vốn: Từng kỳ tạm ứng, thanh toán, các bên căn cứ hồ sơ đề nghị tạm ứng, hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu mà Ban Quản lý dự án đệ trình, các bên xác nhận, các Bên sẽ có trách nhiệm giải ngân nguồn vốn góp theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng này.

- Phương án phân chia kết quả kinh doanh:

+ Công ty CP nước sạch Bắc Ninh sẽ được hưởng 60% lợi nhuận sau thuế;

+ Công ty CP tập đoàn Long Phương sẽ được hưởng 40% lợi nhuận sau thuế.

- Tình hình đầu tư của Dự án: Xem chi tiết tại mục i, thuyết minh số 8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>15.487.317.900</b>	<b>15.487.317.900</b>	<b>28.577.004.751</b>	<b>16.364.861.424</b>	<b>27.699.461.227</b>	<b>27.699.461.227</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc (1)	6.665.376.000	6.665.376.000	8.435.376.000	6.665.376.000	8.435.376.000	8.435.376.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (2)	5.904.411.900	5.904.411.900	17.224.098.751	6.781.955.424	16.346.555.227	16.346.555.227
- Bộ Tài Chính (3)	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000
	<b>15.487.317.900</b>	<b>15.487.317.900</b>	<b>28.577.004.751</b>	<b>16.364.861.424</b>	<b>27.699.461.227</b>	<b>27.699.461.227</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc (1)	45.494.850.012	45.494.850.012	-	6.665.376.000	38.829.474.012	38.829.474.012
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (2)	108.623.286.800	108.623.286.800	16.234.555.200	6.781.955.424	118.075.886.576	118.075.886.576
- Bộ Tài Chính (3)	20.977.436.200	20.977.436.200	-	2.917.530.000	18.059.906.200	18.059.906.200
	<b>175.095.573.012</b>	<b>175.095.573.012</b>	<b>16.234.555.200</b>	<b>16.364.861.424</b>	<b>174.965.266.788</b>	<b>174.965.266.788</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.487.317.900)	(15.487.317.900)	(28.577.004.751)	(16.364.861.424)	(27.699.461.227)	(27.699.461.227)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>159.608.255.112</b>	<b>159.608.255.112</b>			<b>147.265.805.561</b>	<b>147.265.805.561</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 02/2022/4474024/HĐTĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Ngân hàng cho Công ty vay với tổng số tiền là: 40.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư tuyến ống từ nhà máy nước thị trấn Chờ huyện Yên Phong về thị xã Từ Sơn (cấp bổ sung nguồn nước cho 3 phường Đồng Kỵ, Đồng Nguyên, Tân Hồng);
  - + Thời hạn của hợp đồng: 96 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 9%/năm - 11%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 38.829.474.012 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 8.435.376.000 VND;
  - + Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số SHBVN/TN/2022/HĐTD-0070 ngày 22/02/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 146.985.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch từ Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh về thành phố Bắc Ninh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: Số tiền giải ngân trong năm thứ nhất (chậm nhất hết ngày 21/12/2022): áp dụng lãi suất 7,59%/năm trong toàn bộ thời gian vay; số tiền giải ngân trong năm thứ hai (chậm nhất hết ngày 21/12/2023): áp dụng lãi suất 7,79%/năm trong toàn bộ thời gian vay.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 118.075.886.576 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 16.346.555.227 VND.
  - + Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Vay của Bộ Tài chính theo các hợp đồng, phụ lục:
- Hiệp định vay lại ngày 16/12/2009, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 3.009.909 USD trong tổng mức đầu tư 68.760.070.000 VND của dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong và thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hằng năm bằng đồng Việt Nam.
  - Hiệp định vay phụ ngày 06/04/2006, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty một phần Khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 337.500 CHF để đầu tư dự án Thí điểm thiết kế - Xây dựng - Vận hành hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, tỉnh Bắc Ninh. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hằng năm bằng đồng Việt Nam.
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 18.059.906.200 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.917.530.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.493.910.000	33.559.957.762	409.053.867.762
Lãi trong năm trước	-	18.652.268.123	18.652.268.123
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	-	(475.722.367)	(475.722.367)
Chia cổ tức năm 2021	-	(18.774.695.500)	(18.774.695.500)
Trả lợi nhuận của nhà máy nước mặt Bắc Ninh từ năm 2017 đến năm 2021 vào ngân sách tỉnh	-	(14.309.539.895)	(14.309.539.895)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	(288.000.000)	(288.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>18.364.268.123</b>	<b>393.858.178.123</b>
Số dư đầu năm nay	375.493.910.000	18.364.268.123	393.858.178.123
Lãi trong năm nay	-	35.475.435.785	35.475.435.785
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(103.429.309)	(103.429.309)
Phân phối lợi nhuận	-	(16.484.182.649)	(16.484.182.649)
Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước	-	(1.776.656.165)	(1.776.656.165)
Thù lao Hội đồng quản trị (i)	-	(288.000.000)	(288.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>35.187.435.785</b>	<b>410.681.345.785</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 06 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022	100	18.652.268.123
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,55	103.429.309
Thù lao của Hội đồng quản trị không điều hành	1,54	288.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 4,39% vốn điều lệ)	88,38	16.484.182.649
Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước	9,53	1.776.656.165

(i) Công ty đã thực hiện trích Thù lao của Hội đồng quản trị không điều hành trong năm tài chính 2023.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	49,06	184.202.790.000	49,06	184.202.790.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	35,06	131.652.450.000	35,06	131.652.450.000
Các cổ đông khác	15,88	59.638.670.000	15,88	59.638.670.000
	<b>100</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>100</b>	<b>375.493.910.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.493.910.000	375.493.910.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>375.493.910.000</i>	<i>375.493.910.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>375.493.910.000</i>	<i>375.493.910.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>18.260.838.814</i>	<i>33.084.235.395</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.260.838.814</i>	<i>33.084.235.395</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(18.260.838.814)</i>	<i>(33.084.235.395)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(18.260.838.814)</i>	<i>(33.084.235.395)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.549.391</i>	<i>37.549.391</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.549.391</i>	<i>37.549.391</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê vận hành Nhà máy nước thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Bắc Ninh theo hợp đồng số 04A/HĐKT ngày 04 tháng 11 năm 2005; Hợp đồng số 09/2016/PLHĐKT ngày 05/11/2006 và Phụ lục hợp đồng số 247/2017/PLHĐKT ngày 25 tháng 05 năm 2017. Theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng này:

- Thời gian cho thuê vận hành đến hết năm 2028;
- Mức phí thuê đến năm 2028 là 72.143.412 VND/tháng (bao gồm cả thuế GTGT là 10%).

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty có các cam kết thuê hoạt động sau:

1. Công ty được Ủy ban nhân tỉnh Bắc Ninh tạm giao quản lý, vận hành khai thác nhà máy nước mặt Bắc Ninh theo văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và được phép trích kinh phí quản lý, vận hành nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh theo văn bản số 1391/UBND-KTTH và văn bản số 241/UBND-KTTH ngày 20 tháng 04 năm 2022 với số tiền là 16.118.205.030 VND/năm kể từ năm 2022.

**Tài sản thuê ngoài (tiếp)**

2. Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 01/HĐKT/2018 ký ngày 20/12/2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương tại 04 xã: Bồng Lai, Việt Hùng, Phượng Mao và Phương Liễu thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước:

- Thời hạn thuê từ 01/01/2018 đến 01/01/2045 với tổng thời gian là 27 năm;
- Giá trị thuê 01 năm chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng trong 03 năm đầu là 1.500.000.000 VND/năm, từ năm thứ 04 đến năm thứ 07 là 1.700.000.000 VND/năm và từ năm thứ 08 căn cứ vào thực tế thương thảo.

3. Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 02/HĐKT/2020 ký ngày 08/01/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương tại 03 phường: Đồng Kỵ, Đồng Nguyên và Tân Hồng thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước:

- Thời hạn thuê từ 01/08/2020 đến 01/01/2047 với tổng thời gian là 27 năm;
- Giá trị thuê 01 năm chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng trong 03 năm đầu là 1.200.000.000 VND/năm, từ năm thứ 04 đến năm thứ 05 là 1.500.000.000 VND/năm và từ năm thứ 06 căn cứ vào thực tế thương thảo.

4. Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin về các lô đất thuê như sau:

TT	Vị trí thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê (năm)
1	Khu đất tại xã Hòa Long - Trụ sở	7.686,8	Đến năm 2067
2	Khu đất tại Đại Phúc - tuyến ống truyền tải	5.399,4	Đến năm 2067
3	Thị trấn Thứa, Lương Tài	3.573,9	Đến năm 2067
4	Khu đất tại Lai Hạ, Lương Tài	634,4	Đến năm 2067
5	Khu đất tại Lãng Ngâm (Gia Bình)	7.948,3	Đến năm 2060
6	Khu đất Hòa Long (Giếng)	125,0	Đến năm 2063
7	Khu đất Hòa Long (MR hệ thống cấp nước)	1.221,9	Đến năm 2057
8	Khu đất tại Thị trấn Chờ Yên Phong	16.502,5	Đến năm 2064
9	Khu đất tại Thị trấn Thứa, Lương Tài	7.237,2	Đến năm 2067
10	Khu đất tại thị trấn Phố Mới, Quế Võ, Bắc Ninh	2.058,1	Đến năm 2067
11	Khu đất tại Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh	9.951,8	Đến năm 2067
12	Khu đất tại Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh	5.537,8	Đến năm 2067
13	Khu đất tại Phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh	575,0	Đến năm 2067
14	Khu đất tại Thị trấn Thứa, Lương Tài	4.370,7	Đến năm 2067
15	Khu đất tại Phường Đáp Cầu và Phường Thị Cầu, Bắc Ninh	1.268,0	Đến năm 2067
16	Khu đất tại Hòa Long, thành phố Bắc Ninh	1.549,7	Đến năm 2067
17	Khu đất tại Hòa Long và Đáp Cầu, Bắc Ninh	10.946,6	Đến năm 2067
18	Khu đất tại Bồng Lai, Quế Võ, Bắc Ninh	6.264,0	Đến năm 2069
19	Khu đất tại Thị trấn Chờ, Yên Phong	7.526,2	Đến năm 2067



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	249.178.019.101	198.668.053.145
Doanh thu xây lắp	4.573.199.968	9.657.431.873
Doanh thu cho thuê tài sản	787.019.040	787.019.040
	<b><u>254.538.238.109</u></b>	<b><u>209.112.504.058</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)</i>	<b><u>787.019.040</u></b>	<b><u>787.019.040</u></b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	182.030.004.741	164.264.909.511
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.241.181.366	9.202.190.738
Giá vốn thuê tài sản	1.467.031.824	1.474.659.018
	<b><u>187.738.217.931</u></b>	<b><u>174.941.759.267</u></b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.655.893.572	3.230.174.650
Lãi bán các khoản đầu tư (i)	1.589.800.157	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.000.000	115.500.000
	<b><u>3.377.693.729</u></b>	<b><u>3.345.674.650</u></b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)</i>	<b><u>132.000.000</u></b>	<b><u>115.500.000</u></b>

(i) Lãi từ thanh lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh trong năm (thuyết minh số 4), giá bán là 24.525 VNĐ/cổ phiếu tương ứng số tiền 4.046.625.000 VNĐ, giá trị đầu tư là 2.456.824.843 VNĐ, lãi là 1.589.800.157 VNĐ.

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.309.598.568	2.881.020.761
	<b><u>13.309.598.568</u></b>	<b><u>2.881.020.761</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	417.341.776	916.586.060
Chi phí nhân công	12.398.311.392	11.450.250.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.575.990	485.254.056
Thuế, phí, lệ phí	1.072.479.009	388.890.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.314.800.420	853.579.431
Chi phí khác bằng tiền	1.431.867.180	1.157.781.981
	<b>17.123.375.767</b>	<b>15.252.342.267</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Kinh phí thu phí thoát nước và bảo vệ môi trường	877.158.305	511.759.993
Thu nhập khác	4.000.000	-
	<b>881.158.305</b>	<b>511.759.993</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.613.002.993	19.889.387.182
Các khoản điều chỉnh tăng	301.655.315	19.829.224
- Chi phí không hợp lệ	301.655.315	19.829.224
Các khoản điều chỉnh giảm	(132.000.000)	(115.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(132.000.000)	(115.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	40.782.658.308	19.793.716.406
- Thu nhập được miễn thuế TNDN (i)	15.094.822.270	13.608.121.111
- Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%)	25.687.836.038	6.185.595.295
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.137.567.208</b>	<b>1.237.119.059</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	317.571.750	(419.547.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.917.571.750)	(500.000.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.537.567.208</b>	<b>317.571.750</b>

(i) Khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Công ty đang xác định khoản thu nhập trên là dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	35.475.435.785	18.652.268.123
Các khoản điều chỉnh:		
- <i>Thù lao của Hội đồng quản trị không chuyên trách</i>	(288.000.000)	(288.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.187.435.785	18.364.268.123
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	37.549.391	37.549.391
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>937</b>	<b>489</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.284.220.738	10.305.597.764
Chi phí nhân công	81.281.450.387	60.104.485.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.610.201.933	37.533.062.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.955.870.140	42.011.036.501
Chi phí khác bằng tiền	5.814.850.500	7.900.940.396
	<b>204.946.593.698</b>	<b>157.855.123.134</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.717.040.956	-	-	57.717.040.956
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.054.024.454	-	-	23.054.024.454
Các khoản cho vay	18.150.800.000	-	-	18.150.800.000
	<u>98.921.865.410</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>98.921.865.410</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.369.950.399	-	-	36.369.950.399
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.836.752.893	-	-	22.836.752.893
Các khoản cho vay	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
	<u>65.706.703.292</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>65.706.703.292</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Vay và nợ	27.699.461.227	147.265.805.561	-	174.965.266.788
Phải trả người bán, phải trả khác	28.095.703.344	92.308.994.268	-	120.404.697.612
Chi phí phải trả	2.401.650.073	-	-	2.401.650.073
	<b>58.196.814.644</b>	<b>239.574.799.829</b>	<b>-</b>	<b>297.771.614.473</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	15.487.317.900	159.608.255.112	-	175.095.573.012
Phải trả người bán, phải trả khác	45.269.494.363	84.804.106.663	-	130.073.601.026
Chi phí phải trả	54.532.794	-	-	54.532.794
	<b>60.811.345.057</b>	<b>244.412.361.775</b>	<b>-</b>	<b>305.223.706.832</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	Công ty liên kết
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>787.019.040</b>	<b>787.019.040</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	787.019.040	787.019.040
<b>Trả cổ tức từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>13.866.045.036</b>	<b>15.792.762.000</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	8.086.502.481	9.210.139.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	5.779.542.555	6.582.622.500
<b>Trả lợi nhuận từ nhà máy nước mặt Bắc Ninh</b>	<b>1.776.656.165</b>	<b>14.309.539.895</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	1.776.656.165	14.309.539.895
<b>Trả vốn khấu hao từ hoạt động liên doanh</b>	<b>1.532.748.040</b>	<b>1.532.748.040</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	1.532.748.040	1.532.748.040
<b>Trả lợi nhuận từ hoạt động liên doanh</b>	<b>10.209.569.944</b>	<b>9.459.844.360</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	10.209.569.944	9.459.844.360
<b>Lợi nhuận được chia</b>	<b>132.000.000</b>	<b>115.500.000</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	132.000.000	115.500.000
<b>Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh</b>	<b>11.145.583.195</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	11.145.583.195	-
<b>Nhận chuyển giao vốn đầu tư dự án</b>	<b>2.280.771.902</b>	-
Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	2.280.771.902	-
<b>Góp vốn đầu tư liên doanh</b>	-	<b>12.386.832.030</b>
Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	-	12.386.832.030

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Lưu Xuân Tâm	Thành viên HĐQT	655.000.396	566.581.318
	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT	610.123.030	497.291.743
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Trần Đại Hải	Thành viên HĐQT	-	197.544.217
	(Nghỉ hưu từ 01/05/2022)		
Bà Trần Thị Hương	Trưởng BKS	324.778.750	295.424.621
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên BKS	244.499.056	234.662.503

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố  
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Nguyễn Thị Thu Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

